

Số: /TB-UBND

Bắc Lý, ngày 16 tháng 02 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai mức thu phí, lệ phí trên địa bàn thị trấn Bắc Lý năm 2024

Căn cứ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; Thông tư 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;

Căn cứ Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;

Căn cứ Nghị Quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của các Bộ trên các lĩnh vực Thủ tục hành chính;

Chủ tịch UBND thị trấn Bắc Lý thông báo việc niêm yết công khai danh mức thu phí, lệ phí trên địa bàn thị trấn Bắc Lý, cụ thể:

I. Mức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố

1. Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, cá nhân khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng lòng đường, hè phố.

2. Đối tượng miễn thu phí: Hoạt động văn hóa, tuyên truyền đường lối chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, phòng chống dịch bệnh (thực hiện không thường xuyên).

3. Cơ quan thực hiện thu phí: UBND thị trấn

4. Mức thu phí

Danh mục phí, lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng/lần)
Phí sử dụng lòng đường, hè phố vào việc sinh hoạt (đám cưới, đám hỏi, đám tang).	Đồng/ngày	100.000
Phí sử dụng lòng đường, hè phố vào việc phục vụ thi công, xây dựng, lắp đặt, sửa chữa công trình; trung chuyển vật liệu xây dựng.	Đồng/ngày	20.000
Phí sử dụng lòng đường, hè phố để trông giữ xe theo quy hoạch sử dụng đất, giao thông đường bộ, đô thị	Đồng/m ² /ngày	1.000

II. Mức thu lệ phí đăng ký cư trú

1. Đối tượng nộp lệ phí: Công dân thực hiện đăng ký cư trú.

2. Đối tượng miễn lệ phí:

- Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; hộ nghèo, cận nghèo; công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc.

- Đăng ký thường trú nhập sinh cho trẻ mới sinh.

3. Cơ quan thực hiện thu lệ phí: Công an thị trấn.

4. Mức thu lệ phí:

Nội dung thu	Mức thu (đồng/lần)
Đăng ký thường trú, tạm trú	10.000
Gia hạn tạm trú, tách hộ, điều chỉnh thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu về cư trú, xác nhận thông tin về cư trú	5000

III. Mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng

1. Đối tượng nộp lệ phí: Chủ đầu tư các công trình xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa lớn, trùng tu, tôn tạo khi được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng.

2. Mức thu lệ phí:

Nội dung thu	Mức thu (đồng/lần)
Cấp mới đối với nhà ở riêng lẻ của nhân dân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép)	75.000
Cấp mới đối với công trình khác	150.000
Gia hạn giấy phép xây dựng	15.000

3. Cơ quan thực hiện thu lệ phí: UBND thị trấn (đối với trường hợp được giao thuộc thẩm quyền).

IV. Mức thu lệ phí hộ tịch, chứng thực

1. Đối tượng nộp lệ phí: cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch, chứng thực theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng miễn, giảm thu lệ phí:

a. Đối tượng miễn thu lệ phí:

- Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với Cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật; trẻ em, người cao tuổi; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Đăng ký Khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

- Cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi.

- Người nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn.

- Người có công với cách mạng nhận con nuôi.

b. Đối tượng, giảm thu lệ phí:

- Giảm phí, lệ phí bằng 50% mức thu theo quy định trong trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 (dịch vụ ông trợ tuyến một phần và dịch vụ công trực tuyến toàn trình).

3. Mức thu lệ phí:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
Đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.	Đồng/trường hợp	5.000
Đăng ký lại kết hôn	Đồng/trường hợp	20.000
Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử	Đồng/trường hợp	5.000
Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Đồng/trường hợp	10.000
Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Đồng/trường hợp	10.000
Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước	Đồng/trường hợp	10.000
Bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	Đồng/trường hợp	5.000
Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác	Đồng/trường hợp	3.000

Đăng ký hộ tịch khác	Đồng/trường hợp	5.000
Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Đồng/bản	8.000
Đăng ký nuôi con nuôi trong nước	Đồng/trường hợp	400.000
Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Đồng/trường hợp	Không
Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Đồng/trang.	2.000đồng/trang. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.
Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ văn bản áp dụng cho cả trường hợp chứng thực di chúc và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không di chúc	Đồng/bản	10.000
Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch	Đồng/hợp đồng, giao dịch	30.000
Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng giao dịch	Đồng/hợp đồng, giao dịch	25.000
Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng giao dịch đã được chứng thực	Đồng/trang. của bản chính.	2.000. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang

Chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	Đồng/hợp đồng, giao dịch	50.000
Chứng thực di chúc	Đồng/di chúc	50.000
Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Đồng/hợp đồng, giao dịch	50.000

Chứng thực văn bản thoả thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Đồng/hợp đồng, giao dịch	50.000
Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Đồng/hợp đồng, giao dịch	50.000

V. Địa điểm, hình thức niêm yết: tại trụ sở UBND thị trấn Bắc Lý và Trang thông tin điện tử của UBND thị trấn Bắc Lý; thông báo trên hệ thống truyền thanh của UBND thị trấn, các TDP.

VI. Thời gian niêm yết:

Từ ngày 16/02/2024 đến khi có quy định mới. Thông báo này thay thế cho các thông báo trước đây của UBND thị trấn về mức thu phí, lệ phí của UBND thị trấn Bắc Lý. Chủ tịch UBND thị trấn thông báo để các cơ quan, tổ chức, cá nhân được biết./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy - HĐND thị trấn;
- MTTTQ, trưởng các đoàn thể thị trấn;
- Cán bộ, công chức thị trấn;
- Đài truyền thanh thị trấn;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH

Phùng Văn Sàng